

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-GDĐT-KTKĐCLGD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2019.  
1369

**THÔNG BÁO**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN GIỜ

**ĐẾN** Số: 169  
Ngày: 02/5/2019

Chuyển: longi Mai  
Lưu hồ sơ số: ban nhân

việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh Tích hợp vào lớp 10  
Trường Trung học phổ thông Hùng Vương  
năm học 2019 - 2020

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2019 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-GDĐT-KHTC ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2019-2020;

Theo Thông báo số 733/TB-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về việc tuyển sinh vào lớp 10 Tích hợp năm học 2019 – 2020, chỉ tiêu tuyển sinh Tích hợp của Trường trung học phổ thông Hùng Vương là 105 học sinh, qua công tác kiểm tra tình hình cơ sở vật chất và điều kiện của Trường trung học phổ thông Hùng Vương.

Nay Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh thông báo: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương không tuyển sinh Tích hợp. /

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Các Phòng, ban Sở GD&ĐT;
- Phòng GD&ĐT quận, huyện;
- Các trường THPT;
- Các trung tâm GDNN-GDTX,
- Các trung tâm GDTX; các trường BTVH;
- Lưu: VP, KTKĐCLGD.



Lê Hồng Sơn



**THÔNG KÊ NGUYÊN VỌNG THÍ SINH TUYỂN SINH 10 THƯỜNG**  
**KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 KHÓA NGÀY 02, 03 THÁNG 6 NĂM 2019**

| STT | Tên trường                                     | Chỉ tiêu | NV1  |
|-----|------------------------------------------------|----------|------|
| 1   | THPT Trung Vương                               | 675      | 1209 |
| 2   | THPT Lương Thế Vinh                            | 270      | 551  |
| 3   | THPT Năng Khiếu TDTT                           | 270      | 42   |
| 4   | THPT Bùi Thị Xuân                              | 675      | 1245 |
| 5   | THPT Ten Lơ Man                                | 540      | 863  |
| 6   | THPT Thủ Thiêm                                 | 585      | 429  |
| 7   | THPT Giồng Ông Tố                              | 450      | 649  |
| 8   | THPT Lê Quý Đôn                                | 450      | 1038 |
| 9   | THPT Lê Thị Hồng Gấm                           | 360      | 194  |
| 10  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                      | 645      | 1424 |
| 11  | THPT Marie Curie                               | 1200     | 1196 |
| 12  | THPT Nguyễn Thị Diệu                           | 675      | 494  |
| 13  | THPT Nguyễn Hữu Thọ                            | 540      | 707  |
| 14  | THPT Nguyễn Trãi                               | 585      | 484  |
| 15  | Trung học Thực hành - ĐHSP                     | 190      | 495  |
| 16  | Trung học thực hành Sài Gòn                    | 135      | 314  |
| 17  | THPT Trần Khai Nguyên                          | 675      | 1216 |
| 18  | THPT Trần Hữu Trang                            | 315      | 186  |
| 19  | THPT Hùng Vương                                | 945      | 1849 |
| 20  | THPT Phạm Phú Thứ                              | 675      | 574  |
| 21  | THPT Bình Phú                                  | 720      | 949  |
| 22  | THPT Nguyễn Tất Thành                          | 720      | 988  |
| 23  | THPT Mạc Đĩnh Chi                              | 810      | 1643 |
| 24  | THPT Lương Văn Can                             | 675      | 606  |
| 25  | THPT Tạ Quang Bửu                              | 585      | 760  |
| 26  | THPT Nguyễn Văn Linh                           | 540      | 217  |
| 27  | THPT Võ Văn Kiệt                               | 585      | 736  |
| 28  | THPT Ngô Gia Tự                                | 675      | 237  |
| 29  | THPT Chuyên Năng khiếu TDTT<br>Nguyễn Thị Định | 405      | 282  |
| 30  | THPT Nguyễn An Ninh                            | 675      | 499  |
| 31  | THCS-THPT Sương Nguyệt Anh                     | 225      | 237  |
| 32  | THPT Nguyễn Khuyến                             | 810      | 826  |
| 33  | THCS-THPT Diên Hồng                            | 405      | 201  |
| 34  | THPT Nguyễn Du                                 | 480      | 821  |
| 35  | THPT Trần Quang Khải                           | 810      | 703  |
| 36  | THPT Nguyễn Hiền                               | 420      | 592  |
| 37  | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa                         | 720      | 813  |
| 38  | THPT Nguyễn Thượng Hiền                        | 495      | 1293 |
| 39  | THPT Nguyễn Thái Bình                          | 675      | 877  |
| 40  | THPT Nguyễn Chí Thanh                          | 675      | 934  |
| 41  | THPT Trần Phú                                  | 900      | 1715 |
| 42  | THPT Lê Trọng Tấn                              | 630      | 1250 |
| 43  | THPT Tân Bình                                  | 675      | 955  |

| STT | Tên trường           | Chỉ tiêu | NV1  |
|-----|----------------------|----------|------|
| 55  | THPT Phú Nhuận       | 810      | 1477 |
| 56  | THPT Hàn Thuyên      | 630      | 451  |
| 57  | THPT Ngô Quyền       | 630      | 1270 |
| 58  | THPT Lê Thánh Tôn    | 540      | 901  |
| 59  | THPT Tân Phong       | 630      | 252  |
| 60  | THPT Nam Sài Gòn     | 90       | 210  |
| 61  | THPT Nguyễn Văn Tăng | 585      | 293  |
| 62  | THPT Nguyễn Huệ      | 675      | 823  |
| 63  | THPT Long Trường     | 495      | 370  |
| 64  | THPT Phước Long      | 450      | 663  |
| 65  | THPT Tăng Nhơn Phú A | 540      | 183  |
| 66  | THPT Võ Trường Toản  | 675      | 1241 |
| 67  | THPT Trường Chinh    | 765      | 1124 |
| 68  | THPT Thạnh Lộc       | 630      | 642  |
| 69  | THPT Nguyễn Hữu Huân | 495      | 1004 |
| 70  | THPT Thủ Đức         | 765      | 1540 |
| 71  | THPT Hiệp Bình       | 495      | 616  |
| 72  | THPT Đào Sơn Tây     | 720      | 456  |
| 73  | THPT Tam Phú         | 540      | 715  |
| 74  | THPT Linh Trung      | 720      | 650  |
| 75  | THPT Bình Chiểu      | 675      | 289  |
| 76  | THPT An Lạc          | 630      | 896  |
| 77  | THPT Bình Hưng Hòa   | 720      | 1216 |
| 78  | THPT Vĩnh Lộc        | 405      | 725  |
| 79  | THPT Nguyễn Hữu Cánh | 630      | 1058 |
| 80  | THPT Bình Tân        | 675      | 640  |
| 81  | THPT Củ Chi          | 675      | 992  |
| 82  | THPT An Nhơn Tây     | 495      | 481  |
| 83  | THPT Phú Hòa         | 540      | 714  |
| 84  | THPT Quang Trung     | 450      | 505  |
| 85  | THPT Trung Phú       | 675      | 986  |
| 86  | THPT Tân Thông Hội   | 540      | 779  |
| 87  | THPT Trung Lập       | 405      | 290  |
| 88  | THPT Bà Điểm         | 540      | 1212 |
| 89  | THPT Nguyễn Hữu Tiến | 495      | 1118 |
| 90  | THPT Lý Thường Kiệt  | 495      | 1048 |
| 91  | THPT Nguyễn Hữu Cầu  | 495      | 872  |
| 92  | THPT Phạm Văn Sáng   | 540      | 1135 |
| 93  | THPT Nguyễn Văn Cừ   | 585      | 492  |
| 94  | THPT Tân Hiệp        | 675      | 358  |
| 95  | THPT Tân Túc         | 720      | 607  |
| 96  | THPT Bình Chánh      | 720      | 660  |
| 97  | THPT Đa Phước        | 675      | 368  |

| STT | Tên trường             | Chỉ tiêu | NV1  |
|-----|------------------------|----------|------|
| 44  | THPT Tây Thạnh         | 900      | 1441 |
| 45  | THPT Gò Vấp            | 585      | 629  |
| 46  | THPT Nguyễn Trung Trực | 990      | 1192 |
| 47  | THPT Trần Hưng Đạo     | 855      | 1559 |
| 48  | THPT Nguyễn Công Trứ   | 855      | 1135 |
| 49  | THPT Võ Thị Sáu        | 810      | 1183 |
| 50  | THPT Phan Đăng Lưu     | 675      | 708  |
| 51  | THPT Hoàng Hoa Thám    | 810      | 1089 |
| 52  | THPT Trần Văn Giàu     | 720      | 627  |
| 53  | THPT Gia Định          | 630      | 1712 |
| 54  | THPT Thanh Đa          | 540      | 467  |

| STT | Tên trường                            | Chỉ tiêu | NV1 |
|-----|---------------------------------------|----------|-----|
| 98  | THPT Lê Minh Xuân                     | 675      | 707 |
| 99  | THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh | 495      | 156 |
| 100 | THPT Vĩnh Lộc B                       | 720      | 295 |
| 101 | THPT Phong Phú                        | 675      | 140 |
| 102 | THPT Dương Văn Dương                  | 360      | 286 |
| 103 | THPT Long Thới                        | 360      | 317 |
| 104 | THPT Phước Kiển                       | 540      | 262 |
| 105 | THPT Cần Thạnh                        | 270      | 371 |
| 106 | THPT An Nghĩa                         | 405      | 384 |
| 107 | THPT Bình Khánh                       | 315      | 343 |

#### THỐNG KÊ NGUYỆN VỌNG THÍ SINH TUYỂN SINH 10 CHUYÊN

| STT | Tên trường                 | Chỉ tiêu | NV1  |
|-----|----------------------------|----------|------|
| 1   | THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA | 405      | 921  |
| 2   | THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG  | 740      | 2812 |
| 3   | THPT MẠC ĐÌNH CHI          | 210      | 543  |
| 4   | THPT GIA ĐỊNH              | 210      | 543  |
| 5   | THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN    | 175      | 645  |
| 6   | THPT NGUYỄN HỮU HUÂN       | 175      | 454  |

#### THỐNG KÊ NGUYỆN VỌNG THÍ SINH TUYỂN SINH 10 TÍCH HỢP

| STT | Tên trường                 | Chỉ tiêu | NV1 |
|-----|----------------------------|----------|-----|
| 1   | THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA | 70       | 140 |
| 2   | THPT LƯƠNG THẾ VINH        | 105      | 47  |
| 3   | THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG  | 35       | 103 |
| 4   | THPT VÕ THỊ SÁU            | 105      | 8   |
| 5   | THPT GIA ĐỊNH              | 105      | 130 |
| 6   | THPT PHÚ NHUẬN             | 105      | 25  |
| 7   | THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN    | 105      | 75  |